# TRƯỜNG THCS ĐỒNG SƠN – NAM TRỰC

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

# ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – KHTN6 – CÁNH DIỀU

## **1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc nội dung: Bài 9: Một số lương thực – thực phẩm thông dụng

**- Thời gian làm bài:** 60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**- Cấu trúc:**

**+ Mức độ đề**:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

**+ Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

**+ Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

**+ Nội dung kiểm tra:**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| 1. Mở đầu |  | **4** | 4 |  |  |  |  |  | 4 | 4 | 2.00 |
| 2. Các phép đo | 4 | **2** | 2 | **4** | 2 |  |  |  | 8 | 6 | 3.50 |
| 3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí. |  | **4** |  |  | 4 |  | 2 |  | 6 | 4 | 2.50 |
| 4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng. |  | **2** | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 6 | 2 | 2.00 |
| **Số câu** | **4** | **12** | **8** | **4** | **8** | **0** | **4** | **0** | 24 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Câu số) | TN  (Câu số) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | | **4** | **4** |  |  |
| - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C1 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 2 |  | C2  C3 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | **1** |  | C4 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | 4 |  | C17 |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | **8** | **6** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. | **4** |  | C18a |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C5 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  | 1 |  | C6 |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  | **2** |  | C7  C8 |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. | 2 |  | C19a |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | 2 | 2 | C19b | C9  C10 |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3.Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)*** | | **6** | **4** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | **1** |  | C11 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  | **1** |  | C12 |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  | **1** |  | C13 |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  | **1** |  | C14 |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. | **4** |  | C20a |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. |  |  |  |  |
| - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 2 |  | C20b |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (7 tiết)*** | | **6** | **2** |  |  |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | **1** |  | C15 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm. | 2 |  | C21a |  |
|  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | **2** |  | C21b |  |
| – Thu thập dữ liệu thảo luận để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | **2** |  |  | C21c |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

Thời gian làm bài 60 phút

**I. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

Câu 1: Hành động nào sau đây ***Không*** được làm trong phòng thực hành?

1. Làm theo hướng dẫn của thầy cô giáo
2. Thu gom hóa chất, rác thải sau khi thực hành và để vào đúng nơi quy định
3. Ăn, uống trong phòng thực hành
4. Rửa sạch tay bằng nước sạch và xà phòng khi kết thúc buổi thực hành.

Câu 2: Dụng cụ để đo độ dài là:

1. cân lò xo B. đồng hồ treo tường C. nhiệt kế điện tử D. thước dây

Câu 3: Kính lúp và kính hiển vi là những dụng cụ đo để:

1. đo độ dài của vật
2. quan sát những vật có kích thước nhỏ trong giới tự nhiên.
3. quan sát được lượng chất lỏng trong bình
4. đo thời gian.

**Câu 4:**Khoa học tự nhiên có những vai trò nào đối với cuộc sống?

1. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.
2. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế.
3. Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người.
4. Cả 3 phương án trên.

Câu 5: Dụng cụ nào sau đậy dùng để đo khối lượng ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài tập trắc nghiệm Đo chiều dài, khối lượng và thời gian có đáp án - Khoa học tự nhiên lớp 6 Cánh diều | https://vcdn.tikicdn.com/cache/550x550/ts/product/10/9e/44/4f08b544e08a32b92fdefead0ba75fc0.jpg | https://tse1.mm.bing.net/th?id=OIP.rmocMGA-el_zjjBRQ-NC-gHaHa&pid=Api&P=0 | https://tse4.mm.bing.net/th?id=OIP.VzjLpf6O4DfF9bR5vdxUpAHaHa&pid=Api&P=0 |
| 1. Cân | 1. Nhiệt kế | 1. Đồng hồ | 1. Thước kẻ |

Câu 6: Trong thang nhiệt độ Celsius nhiệt độ sôi của nước là bao nhiêu?

A. 1000C B. 273K C. 2120F D. 320F

Câu 7:Nhiệt kế y tế thủy ngân hoạt động dựa trên hiện tượng nào?

A. Sự dãn nở vì nhiệt của chất rắn

B. Sự dãn nở vì nhiệt của chất khí

C. Sự dãn nở vì nhiệt của chất lỏng

D. A hoặc B

Câu 8: Quan sát hình sau

|  |  |
| --- | --- |
| Hãy cho biết kích thước hình tròn màu đỏ ở hình a và hình b như thế nào với nhau:   1. Hình a lớn hơn hình b 2. Hình a nhỏ hơn hình b 3. Hình a bằng hình b 4. Cả 3 đáp án đều sai | Lý thuyết Khoa học tự nhiên 6 Bài 3: Đo chiều dài, khối lượng và thời gian | Cánh diều |

Câu 9: Một con Gà trống nặng khoảng

1. 30 cm B. 3 cm C. 30kg D. 3kg

Câu 10: Quyển sách giáo khoa khoa học tự nhiên lớp 6 dài khoảng

A 26 cm B. 36cm C. 46cm D. 56cm

Câu 11. Trong hạt gạo có chứa chất gì là chủ yếu?

1. Cellulose B. Tinh bột C. Nhựa D. Đường

Câu 12: Thân bút chì làm bằng gỗ chứa chất gì là chủ yếu?

1. Cellulose B. Đồng C. Sắt D. Nhựa

Câu 13: Sự bay hơi là quá trình chuyển từ

1. thể rắn sang thể lỏng.
2. thể lỏng sang thể rắn.
3. thể khí sang thể rắn
4. thể lỏng sang thể khí (hơi) ở bề mặt chất lỏng.

Câu 14: Tính chất nào sau đây **sai** khi nói về oxygen ?

A. Oxygen là chất khí.

B. Không màu, không mùi, không vị

C. Tan nhiều trong nước.

D. Nặng hơn không khí.

Câu 15: Vật liệu nào sau đây là được dùng làm ấm đun nước?

A. Gỗ                   B. Nhôm               C. Thủy tinh                 D. Gốm

Câu 16: Thế nào được gọi là an ninh năng lượng?

A. An ninh năng lượng là việc đảm bảo năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, đủ dùng, sạch và rẻ.

B. An ninh năng lượng là việc cung cấp đủ năng lượng bằng bất cứ cách nào.

C. An ninh năng lượng là việc đảm bảo năng lượng điện, đủ dùng.

D. An ninh năng lượng là việc đảm bảo năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau.

**II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm**

Câu 17: (1 điểm)

1. Lấy 1 ví dụ về vật sống và 1 ví dụ về vật không sống?
2. Dựa vào đặc điểm cơ bản, em hãy phân biệt vật sống và vật không sống?

Câu 18: (1 điểm): Khi bị ốm sốt ta thường phải sử dụng nhiệt kế để kiểm tra thân nhiệt của cơ thể.

Em hãy nêu cách sử dụng nhiệt kế y tế?

Câu 19: (1 điểm)

1. Kể tên 1 vật dụng dùng để đo độ dài của vật. Tại sao trước khi đo phải ước lượng độ dài của vật cần đo?
2. Điền các đơn vị thích hợp vào chỗ (…)

5 tạ = 500… 15dm = 1,5 …

Câu 20: (1,5 điểm)

a, Trình bày tác hại của ô nhiễm không khí với đời sống?

b, Em có thể làm gì để góp phần làm giảm ô nhiễm không khí?

Câu 21: (1.5 điểm)

a, Trong gạo chứa lượng chất gì là chủ yếu ? Tại sao lại phải bảo quản gạo nơi khô ráo ?

b, Đồng được sử dụng trong nhiều ứng dụng, em hãy nêu 1 ứng dụng của đồng trong đời sống. Người ta đã sử dụng tính chất nào của Đồng để làm ứng dụng đó.

c, *Dựa trên kết quả nghiên cứu của Đại học Georgia – UGA, Việt Nam là 1 trong 5 nước có lượng rác thải nhựa ra bên ngoài đại dương lớn nhất thế giới. Hằng năm, Việt Nam thải gần 2 triệu tấn rác thải nhựa ra biển. Thời gian tiêu hủy của các loại sản phẩm từ túi nilon, bao nhựa thường được kéo dài đến hàng nghìn năm. Rác thải nhựa chứa nhiều hóa chất độc hại, gây ảnh hưởng đến đời sống con người.*

Em hãy đề xuất 2 biện pháp sử dụng đồ bằng nhựa để đảm bảo sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững

**d) Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1**

**I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **C** | **D** | **B** | **D** | **A** | **A** | **C** | **C** |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | **D** | **A** | **B** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** |

**II. TỰ LUẬN: 5 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 17. (1 điểm)**   1. Vật sống: Con cá   Vật không sống: Cái thước   1. Vật sống mang các đặc điểm của sự sống: vận động, sinh sản, cảm ứng, lấy chất cần thiết….   Vật không sống không mang các đặc điểm đó  (*HS lấy ví dụ khác, đúng vẫn cho điểm tối đa*) | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 18. (1 điểm)**  Bước 1: Dùng bông y tế lau sạch thân và bầu nhiệt kế.  Bước 2: Vẩy mạnh cho thủy ngân bên trong nhiệt kế tụt xuống dưới  Bước 3: Dùng tay phải cầm thân nhiệt kế, đặt bầu nhiệt kế vào nách trái, kẹp cánh tay lại để giữ nhiệt kế.  Bước 4: Chờ khoảng 2 – 3 phút, lấy nhiệt kế ra đọc nhiệt độ.  (HS ghép các bước đúng vẫn cho điểm tối đa) | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 19. (1,0 điểm)**   1. Thước dây hoặc thước thẳng………….   Ta cần ước lượng chiều dài trước khi đo để chọn thước đo thích hợp với độ dài cần đo  b, 5 tạ = 500 kg  15dm = 1,5 m | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 20. (1,5 điểm)**  a, Tác hại của ô nhiễm không khí với đời sống:  + Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và chất lượng đời sống con người  + Làm trái đất nóng lên, khiến cho băng cực tan => gây nên nhiều lũ lụt, thiên tai  + Bụi, khói, khí độc gây nhiều bệnh nguy hiểm  + Tạo mưa axit làm phá hủy công trình xây dựng, ảnh hưởng cây cối…  b, Để góp phần giảm ô nhiễm không khí ta có thể:   * + Trồng nhiều cây xanh trong khu mình đang sống * + Tuyên truyền cho mọi người xung quanh về ý thức bảo vệ không khí * + Hạn chế đi xe máy, ô tô thay vào đó có thể đi xe đạp hoặc xe bus, ..   *(HS chỉ cần đề xuất tối thiểu 2 biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí đúng là cho điểm tối đa)* | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,5 điểm** |
| **Câu 21.( 1,5 điểm)**  a, Tinh bột  Bảo quản gạo nơi khô ráo để tránh bị ẩm mốc  b, Sử dụng Đồng làm lõi dây điện  Dựa vào tính dẫn điện  c, + Tái sử dụng các chai nước, bình, lon …bằng nhựa.  + Sử dụng túi giấy, túi vải đựng đồ thay cho túi nilon.  *(HS nêu ứng dụng khác của đồng đúng vẫn cho điểm tối đa)* | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm.**  **0,25 điểm.**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |

*\* Căn cứ vào nội dung bộ SGK học sinh sử dụng để điều chỉnh Hướng dẫn chấm cho phù hợp, học sinh nêu ý tưởng, viết được ý đúng cho điểm tối đa*

**----------**